

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2017/DSST - HNGĐ
Ngày 22/8/2017
V/v “Xin ly hôn giữa ông X,
bà Y”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M- TỈNH NAM ĐỊNH**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Công;
2. Ông Nguyễn Hữu Tinh .

Th- ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quang Huy - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: ông Trần Văn X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện M, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: bà Trần Thị Y, sinh năm 1961;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện M, tỉnh Nam Định.

Bà Y vắng mặt tại phiên tòa, ông X có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, ông Trần Văn X trình bày:

Tôi xây dựng gia đình với bà Trần Thị Y năm 1982, không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu bình thường, Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi chửi nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc giải quyết cho tôi và bà Y được ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có ba con chung là Trần Văn S, sinh ngày 1982, Trần Thị C, sinh ngày 1983 (Đã Chết), Trần Thị Bích P, sinh ngày 1990. Nay các cháu đã trưởng thành;

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Y trình bày: bà nhất trí với lời trình bày của ông X về thời gian địa điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, nay ông X xin ly hôn tôi đề nghị ông X để lại tài sản cho tôi thì tôi đồng ý ly hôn, còn không thì tôi không đồng ý.

Bà Trần Thị Y đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc.

Các tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh:

- Chứng minh th- nhân dân của ông X.
- Giấy khai sinh.
- Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ ông Trần Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến đề nghị, quan điểm giải quyết của ông Trần Văn X, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ chung sống như vợ chồng giữa ông Trần Văn X và bà Trần Thị Y không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng ông X, bà Y kết hôn chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay. Cuộc sống chung của ông bà phát sinh mâu thuẫn đã nhiều năm vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay ông X đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Y, Hội đồng xét xử thấy cần xác định quan hệ giữa ông với bà Y là vợ chồng, là có căn cứ pháp luật, theo quy định tại nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho ông X, bà Y ly hôn là phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế.

[3] Về con chung: Ông X, bà Y có ba con chung là Trần Văn S, sinh ngày 1982, Trần Thị C, sinh ngày 1983 (Đã Chết), Trần Thị Bích P, sinh năm 1990. Nay các con chung đã trưởng thành do vậy Tòa án không đặt ra giải quyết;

[4] Về tài sản chung của ông X bà Y: Ông X không yêu cầu tòa án giải quyết, bà Y đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc, bà Y cố tình không đến tòa án làm việc nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Y đã được tổng đạt họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án xét xử vắng mặt bà Y đúng quy định của pháp luật, theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông X phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Xin ly hôn” của ông Trần Văn X.

Căn cứ vào Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Trần Văn X và bà Trần Thị Y.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn X phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng. Đ-ợc đối trừ tiền tạm ứng án phí ông X đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số BB/2012/09418 ngày 22/12/2016.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Trần Văn X đ-ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. bà Trần Thị Y đ-ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THA dân sự: 01 bản;
- UBND xã Mỹ Phúc 01 bản;
- Các đ-ơng sự: 02 bản
- L-u hồ sơ vụ án: 02 bản;
- L-u VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Văn Biên